

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2012/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2012.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Bà Chung Lệ K, sinh năm 1955

Địa chỉ: đường Đ, phường AL, quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** 1/ Ông Chung Vị N, sinh năm 1967

2/ Ông Chung Vị C, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Chung Xây H (chết năm 2009)

*Những người kế thừa tố tụng của ông Chung Xây H:*

3.1/ Bà Nguyễn Thị Cẩm X, sinh năm 1961

3.2/ Ông Chung Đức H, sinh năm 1990

3.3/ Ông Chung Đ H, sinh năm 2002

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.4/ Chế Ch (Ch Boi Chung)

3.5/ Chế T (T Boi Chung)

3.6/ T (C Boi Chung)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ NLQ1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

+ NLQ2, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

+ NLQ3, sinh năm 1992

+ NLQ4, sinh năm 1971

+ NLQ5, sinh năm 1971

+ NLQ6, sinh năm 1997

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1** Thống nhất phần di sản thừa kế của ông Chung V, bà Ngũ H là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 17, diện tích 105,9m<sup>2</sup>. Hàng thừa kế của ông Chung V và bà Ngũ H bao gồm: bà Chung Lệ K sinh năm 1955, ông Chung Vị N sinh năm 1967, Chung Vị C sinh năm 1964, Chung Xây H (sinh năm 1951, chết ngày 29/8/2009), NLQ1 sinh năm 1960.

Phần di sản thừa kế bà Chung Lệ K được hưởng trong khối tài sản nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 21,18m<sup>2</sup> trong phần nhà đất ông Chung Vị N, Chung Vị C đang sử dụng được ký hiệu vị trí số 1 và vị trí số 2, thể hiện trong trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 17/7/2012 của Trung tâm Kỹ Thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ.

Ông Chung Vị N, Chung Vị C giao cho bà Chung Lệ K số tiền 500.000.000 đồng, mỗi người 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 02/10/2019. Ông Chung Vị C, Chung Vị N được ổn định sử dụng phần nhà và đất diện tích 21,18m<sup>2</sup> mà bà Chung Lệ K được hưởng trong phần đất ông Chung Vị N, Chung Vị C đang sử dụng được ký hiệu vị trí số 1 và vị trí số 2, thể hiện trong trích đo địa chính số 08/TTKTTNMT ngày 17/7/2012 của Trung tâm Kỹ Thuật Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ.

Các phần di sản thừa kế còn lại của các đương sự khác được hưởng trong tài sản nêu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có tranh chấp các đương sự khởi kiện thành vụ án khác.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**2.2.** Về án phí sơ thẩm: Bà Chung Lệ K phải chịu 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ theo biên lai thu số 006149 ngày 13/3/2008 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, bà Chung Lệ K còn phải nộp thêm 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

**2.3.** Về chi phí do đặc, định giá: 4.113.000 đồng, bà Chung Lệ K tự nguyện nộp và đã nộp xong.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKS.ND.TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS.TP. Cần Thơ;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Trần Trí Dũng**